

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI BÌNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *18* /NQ-HĐND

Thái Bình, ngày *10* tháng 10 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVI, KỶ HỌP BẤT THƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020;

Xét Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 39a/BC-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

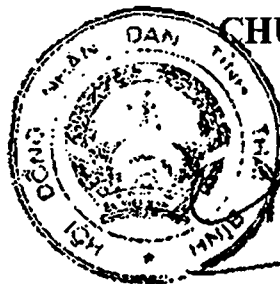
Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVI Kỳ họp bất thường thông qua ngày 16 tháng 10 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở; ban; ngành thuộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo Thái Bình; Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Bình, Báo Thái Bình;
- Lưu: VTVP.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Diên



PHỤ LỤC

**Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Thái Bình**
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa, mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ đông vụ hè cho các biện pháp tưới tiêu:

TT	Biện pháp công trình	Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (1000 đồng/ha/vụ)
I	Tưới, tiêu bằng động lực	
1	Lúa	1.646
2	Mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Hè, vụ Đông	658
II	Tưới tiêu bằng trọng lực	
1	Lúa	1.152
2	Mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Hè, vụ Đông	461
III	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	
1	Lúa	1.498
2	Mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Hè, vụ Đông	599
IV	Tạo nguồn tưới bằng động lực, tiêu bằng trọng lực	
1	Lúa	899
2	Mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Hè, vụ Đông	360
V	Tạo nguồn tưới bằng trọng lực, tiêu bằng trọng lực	
1	Lúa	534
2	Mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Hè, vụ Đông	214

2. Đối với sản xuất muối, mức giá tính bằng 2% giá trị muối thành phẩm.

3. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu:

[Signature]

STT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Theo biện pháp công trình	
			Bơm điện	Cống, sông trực
1	Cấp nước cho chăn nuôi	Đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản			
2.1	Cấp nước bằng bơm điện	Đồng/m ² mặt thoát/năm	250	
2.2	Cấp nước bằng tự chảy qua cống (trong đê)	Đồng/m ² mặt thoát/năm		100
2.3	Cấp nước bằng tự chảy qua cống (ngoài đê)	Đồng/m ² mặt thoát/năm		50
3	Cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, dược liệu	1000đồng/ha/năm	1.198	922

4. Giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị: 74.900 đồng/ha/năm.

- Mức giá trên là giá không có thuế giá trị gia tăng.

- Mức giá trên được tính từ điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi (cống đầu kênh, cửa chia nước tại bể xả trạm bơm do Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc, Nam Thái Bình và các Hợp tác xã nông nghiệp quản lý) đến vị trí công trình thủy lợi đầu mối.